

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HUNG QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /CBTT-GMH

Quảng Trị, ngày 22 tháng 03 năm 2025

“V/v công bố BCTC đã được kiểm toán
cho năm 2024 và giải trình chênh lệch LNST”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HUNG QUẢNG TRỊ “Công ty”**
2. Mã chứng khoán: **GMH**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
4. Điện thoại: 0233 3582 460 Fax: 0233 3584 809
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Đặng Sĩ Tiếp**; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.
6. Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ
7. Nội dung công bố thông tin:
 - 7.1. Công bố thông tin trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, gồm:
 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo kiểm toán độc lập;
 - Bảng cân đối kế toán (Mẫu số: B 01-DN);
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số: B 02-DN);
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số: B 03-DN);
 - Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số: B 09-DN).

7.2. Giải trình chênh lệch trên 10% lợi nhuận sau thuế TNDN cho năm tài chính 2024 so với cùng kỳ năm tài chính 2023:

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm tài chính 2024 của CTCP Minh Hưng Quảng Trị tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số: B 02-DN) là 5,96 tỷ đồng; giảm 7,74 tỷ đồng so với cùng kỳ năm tài chính 2023.

Nguyên nhân:

- Do sản lượng tiêu thụ trong kỳ giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các loại gạch Tuynel giảm hơn 14 triệu viên QC. Do đó, Công ty phải giảm giá bán



để tiêu thụ được sản phẩm, đồng thời các chi phí đầu vào tăng làm tăng giá thành sản phẩm, dẫn đến lợi nhuận giảm 6,18 tỷ đồng.

- Doanh thu tài chính trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm 1,69 tỷ đồng.

- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 0,58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, làm lợi nhuận tăng 0,58 tỷ đồng.

- Chi phí khác trong kỳ tăng 0,45 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, làm lợi nhuận giảm thêm 0,45 tỷ đồng.

8. Thông tin trên được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn: <http://minhhungqt.vn/congbothongtin/>

CTCP Minh Hưng Quảng Trị cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD (để b/c);
- Lưu HĐQT, ĐT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

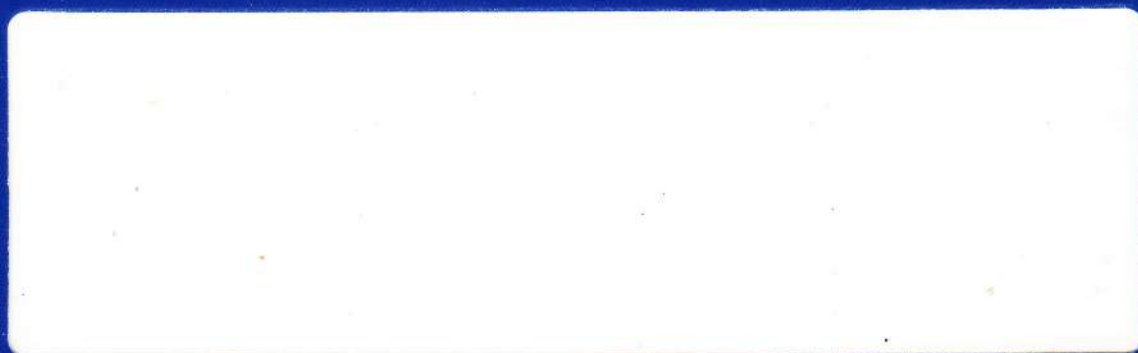


ĐẶNG SĨ TIẾP





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Thành viên
Ông Trần Cảnh Bình	Thành viên
Ông Trương Đức Trí	Thành viên
Ông Lê Đình Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Cảnh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Sĩ Tiếp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đăng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Phạm Quốc Hải	Trưởng Ban
Ông Thái Vĩnh Đồng	Thành viên
Bà Võ Thị Ngọc Hà	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Lê Đình Minh	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Thạnh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Đình Sung - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị,



Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

Số: 032001/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-1
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Dư Thị Kiều Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5193-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.154.280.541	166.387.538.412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.430.101.553	10.921.319.246
1. Tiền	111	V.1	6.430.101.553	10.921.319.246
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		91.831.946.120	83.934.599.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	3.434.599.720	3.434.599.720
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	88.397.346.400	80.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.236.714.326	15.917.795.981
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	19.011.995.244	14.622.681.049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		179.991.000	130.668.002
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.616.470.192	2.742.227.473
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.571.742.110)	(1.577.780.543)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	40.134.386.782	54.581.762.566
1. Hàng tồn kho	141		42.119.324.734	55.791.386.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.984.937.952)	(1.209.624.194)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		521.131.760	1.032.060.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	521.101.760	1.032.030.899
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	30.000	30.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.423.427.814	30.907.255.216
I. Tài sản cố định	220		24.605.430.234	29.615.467.576
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	24.605.430.234	29.615.467.576
- Nguyên giá	222		109.466.802.901	109.466.802.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.861.372.667)	(79.851.335.325)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		389.974.546	355.254.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	389.974.546	355.254.546
III. Tài sản dài hạn khác	260		428.023.034	936.533.094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	428.023.034	936.533.094
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		184.577.708.355	197.294.793.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.758.121.273	8.930.890.916
I. Nợ ngắn hạn	310		6.758.121.273	8.930.890.916
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.502.489.351	3.412.095.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		87.099.319	150.920.804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	1.985.539.358	2.116.119.102
4. Phải trả người lao động	314		2.258.213.246	2.347.424.377
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		193.611.111	145.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	410.403.712	434.416.312
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		320.765.176	324.915.176
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.819.587.082	188.363.902.712
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	177.819.587.082	188.363.902.712
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	165.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.000.000.000	165.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.811.962.000	5.811.962.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.000.000	678.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		371.000.000	371.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.958.625.082	16.502.940.712
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.940.712	2.800.664.230
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.955.684.370	13.702.276.482
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		184.577.708.355	197.294.793.628

Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng

Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		88.057.102.128	113.564.128.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	88.057.102.128	113.564.128.846
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	72.315.648.811	89.818.566.593
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.741.453.317	23.745.562.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.325.901.404	9.439.174.456
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	145.853.903	322.495.731
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		144.752.547	322.495.731
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.927.806.643	8.120.514.375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.578.167.905	7.114.288.578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.415.526.270	17.627.438.025
11. Thu nhập khác	31		261.762.800	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	986.146.886	476.139.679
13. Lợi nhuận khác	40		(724.384.086)	(476.139.679)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.691.142.184	17.151.298.346
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.735.457.814	3.449.021.864
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.955.684.370	13.702.276.482
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	361	830
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	361	830


Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu


Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng



Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	7.691.142.184	17.151.298.346
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.010.037.342	5.062.686.379
Các khoản dự phòng	03	769.275.325	1.074.917.906
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.325.901.404)	(9.439.174.456)
Chi phí lãi vay	06	144.752.547	322.495.731
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.289.305.994	14.172.223.906
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(5.474.584.122)	3.528.901.486
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	13.672.062.026	(7.695.365.390)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.562.793.834)	(5.356.826.487)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.019.439.199	(55.204.910)
Tiền lãi vay đã trả	14	(144.752.547)	(322.495.731)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.341.283.623)	(5.847.101.509)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	36.900.000	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(41.050.000)	(24.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.453.243.093	(1.590.418.635)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(34.720.000)	(1.588.878.455)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(147.300.000.000)	(133.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	139.402.653.600	142.500.000.000
4. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.487.605.614	7.345.305.183
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	555.539.214	15.256.426.728
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	11.239.114.281	15.675.724.943
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.239.114.281)	(15.675.724.943)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.500.000.000)	(8.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.500.000.000)	(8.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4.491.217.693)	5.416.008.093
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.921.319.246	5.505.311.153
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.430.101.553	10.921.319.246

Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng

Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 20 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng trị tiền thân là Nhà máy Xi măng Đông Hà được thành lập theo quyết định số 739/QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ngày 27 tháng 11 năm 1992 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 ngày 11 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Công ty trở thành công ty đại chúng từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Công văn số 3922/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng ngày. Công ty đã niêm yết theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 733/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là GMH.

Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công xi măng và sản xuất gạch tuynel, gạch không nung.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Km8, Quốc lộ 9, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 207 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 219 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)***

- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp, ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.076.619.921	5.158.934.283
Tiền gửi ngân hàng	3.353.481.632	5.762.384.963
Cộng	6.430.101.553	10.921.319.246

2. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	3.434.599.720	(*)	-	3.434.599.720	(*)	-
Cộng	3.434.599.720		-	3.434.599.720		-

(*) Công ty nắm giữ 44.275 cổ phần với mệnh giá 100.000 VND/Cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3.

Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 vì Công ty này chưa niêm yết nên không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**3. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	55.000.000.000
Trái phiếu (*)	82.897.346.400	25.500.000.000
Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn khác (**)	5.500.000.000	-
Cộng	88.397.346.400	80.500.000.000

Trong đó:

- (*) Phản ánh các khoản trái phiếu Công ty nắm giữ một phần thời gian trong khoảng thời gian đáo hạn gốc trái phiếu (từ 06 tháng đến 12 tháng) để hưởng lãi. Khoản đầu tư này được thực hiện theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu với các Công ty Cổ phần chứng khoán. Cụ thể như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất/năm	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	-	-	-	8.500.000.000
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	-	-	13,5%	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HD	-	63.997.346.400	-	17.000.000.000
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	8% - 8,45%	19.400.000.000	9,65% - 10,45%	17.000.000.000
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn SOVICO	8,8% - 9,1%	19.000.000.000	-	-
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần SOVICO	8,8% - 9,4%	13.897.346.400	-	-
- Trái phiếu của Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	9,2% - 9,8%	11.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	-	18.900.000.000	-	-
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	7,8% - 7,9%	18.900.000.000	-	-
Cộng		82.897.346.400		25.500.000.000

- (**) Khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn khác được thực hiện theo các đề nghị lập giao dịch và thông báo xác nhận giao dịch của Công ty với Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS. Theo đó, Công ty sẽ chuyển tiền cho bên nhận vốn là Công ty Cổ phần Thanh toán Smartone Pay để bên nhận vốn quản lý, hợp tác, đầu tư, sử dụng vào tài sản tài chính thu lợi tức về cho Công ty. Thời hạn giao dịch là 6 tháng. Mức lợi tức kỳ vọng là 7 %/năm.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Nam Tiến	1.924.500.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Số 1 - Nhà máy sản xuất tấm lợp Tâm Châu	1.798.517.280	2.328.301.093
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	1.605.320.640	1.451.641.500
Các khách hàng khác	13.683.657.324	10.842.738.456
Cộng	19.011.995.244	14.622.681.049

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ

Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4

Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	4.000.000
Tạm ứng	67.784.600	354.358.200
Phải thu ngắn hạn khác	2.544.685.592	2.383.869.273
Cộng	2.616.470.192	2.742.227.473

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây dựng X27	225.730.000	-	(225.730.000)	225.730.000	-	(225.730.000)
Công ty Cổ phần Thành Quả	131.854.395	-	(131.854.395)	131.854.395	-	(131.854.395)
Công ty TNHH MTV Thái Phong Nhã	112.510.000	-	(112.510.000)	112.510.000	-	(112.510.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Hòa	91.825.000	-	(91.825.000)	91.825.000	-	(91.825.000)
Các đối tượng khác	1.041.677.265	31.854.550	(1.009.822.715)	1.082.828.065	66.966.917	(1.015.861.148)
Cộng	1.603.596.660	31.854.550	(1.571.742.110)	1.644.747.460	66.966.917	(1.577.780.543)

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.088.620.198	(255.576.926)	15.268.723.438	(264.030.165)
Công cụ, dụng cụ	978.489.744	(32.072.466)	949.247.440	(29.097.735)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	568.946.000	-	820.474.000	-
Thành phẩm	28.483.268.792	(1.697.288.560)	38.752.941.882	(916.496.294)
Cộng	42.119.324.734	(1.984.937.952)	55.791.386.760	(1.209.624.194)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜI DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà máy vôi công nghiệp Minh Hưng	355.254.546	355.254.546
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	34.720.000	-
Cộng	389.974.546	355.254.546

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	187.619.952	688.722.123
Chi phí trả trước khác	333.481.808	343.308.776
Cộng	521.101.760	1.032.030.899
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	393.113.501	872.209.760
Chi phí trả trước khác	34.909.533	64.323.334
Cộng	428.023.034	936.533.094

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	349.204.411	342.217.011
Các khoản phải trả, phải nộp khác	61.199.301	92.199.301
Cộng	410.403.712	434.416.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Nguyên Lợi	366.011.006	366.011.006	-	-
Công ty TNHH Hòa Đại Phát	344.749.435	344.749.435	438.980.172	438.980.172
Điện lực Đồng Hới	205.834.388	205.834.388	-	-
Công ty TNHH GYPSUM Miền Trung	-	-	2.117.899.800	2.117.899.800
Các nhà cung cấp khác	585.894.522	585.894.522	855.215.173	855.215.173
Cộng	1.502.489.351	1.502.489.351	3.412.095.145	3.412.095.145
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết thuyết minh số VII.2)	161.601.526	161.601.526	116.208.400	116.208.400

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm		Số phải nộp trong năm		Số thực nộp, bù trừ trong năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	30.000	83.974.785	83.974.785	83.974.785	83.974.785	30.000	30.000	30.000
Cộng	30.000	83.974.785	83.974.785	83.974.785	83.974.785	30.000	30.000	30.000
b) Các khoản phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng	417.918.988	7.058.131.416	7.058.131.416	6.887.309.666	6.887.309.666	247.097.238	247.097.238	247.097.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.263.196.055	1.735.457.814	1.735.457.814	2.341.283.623	2.341.283.623	1.869.021.864	1.869.021.864	1.869.021.864
Thuế thu nhập cá nhân	-	710.001.008	710.001.008	710.001.008	710.001.008	-	-	-
Thuế đất, tiền thuế đất	304.424.315	633.525.491	633.525.491	329.101.176	329.101.176	-	-	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	-	-	-
Cộng	1.985.539.358	10.143.115.729	10.143.115.729	10.273.695.473	10.273.695.473	2.116.119.102	2.116.119.102	2.116.119.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	165.000.000.000	5.811.962.000	678.000.000	371.000.000	11.050.664.230	182.911.626.230
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.702.276.482	13.702.276.482
Chia cổ tức còn lại năm 2022	-	-	-	-	(8.250.000.000)	(8.250.000.000)
Số dư cuối năm trước	165.000.000.000	5.811.962.000	678.000.000	371.000.000	16.502.940.712	188.363.902.712
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.955.684.370	5.955.684.370
Chia cổ tức năm 2023 (*)	-	-	-	-	(16.500.000.000)	(16.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	165.000.000.000	5.811.962.000	678.000.000	371.000.000	5.958.625.082	177.819.587.082

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2024, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 với tỷ lệ 10%/mệnh giá cổ phiếu tương ứng số tiền 16.500.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ông Lê Đình Sung	25.011.850.000	25.011.850.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.000.000.000	24.000.000.000
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	22.500.000.000	22.500.000.000
Bà Trần Thiên Như An	9.118.000.000	9.119.000.000
Ông Lê Đình Minh	8.308.360.000	8.308.360.000
Các cổ đông khác	76.061.790.000	76.060.790.000
Tổng cộng	165.000.000.000	165.000.000.000
	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán gạch và bột đá	33.463.461.020	44.011.013.067
Doanh thu bán xi măng	52.581.659.704	66.011.945.697
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.640.146.313	2.607.038.747
Doanh thu khác	371.835.091	934.131.335
Cộng	88.057.102.128	113.564.128.846

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán gạch và bột đá	32.430.271.820	40.139.820.443
Giá vốn bán xi măng	37.603.776.516	46.006.189.726
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.294.644.671	2.130.232.918
Giá vốn hoạt động khác	211.642.046	636.197.539
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	775.313.758	906.125.967
Cộng	72.315.648.811	89.818.566.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi trái phiếu	5.213.756.142	1.671.940.376
Lãi tiền gửi, cho vay	1.724.372.661	7.767.234.080
Doanh thu hoạt động tài chính khác	387.772.601	-
Cộng	7.325.901.404	9.439.174.456

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	144.752.547	322.495.731
Chi phí tài chính khác	1.101.356	-
Cộng	145.853.903	322.495.731

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.007.395.425	2.924.163.979
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.541.045.151	2.190.815.952
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.917.896.291	413.077.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	714.774.359	1.473.099.481
Chi phí khác	746.695.417	1.119.357.876
Cộng	7.927.806.643	8.120.514.375

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.709.770	25.207.625
Chi phí nhân viên quản lý	3.129.670.092	3.416.889.993
Chi phí khấu hao TSCĐ	465.457.213	324.725.140
Thuế, phí và lệ phí	639.525.491	563.302.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.804.416	508.249.146
Chi phí khác bằng tiền	1.849.039.356	2.107.122.161
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(6.038.433)	168.791.939
Cộng	6.578.167.905	7.114.288.578

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	615.911.856	231.012.173
Chi phí khác	370.235.030	245.127.506
Cộng	986.146.886	476.139.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.691.142.184	17.151.298.346
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	825.813.105	476.139.679
Cộng: Chi phí không được trừ	986.146.886	476.139.679
Trừ: Tiền thuế đất năm 2023 được giảm đã tính vào thu nhập tính thuế TNDN năm 2023	160.333.781	-
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.516.955.289	17.627.438.025
Thu nhập chịu thuế suất 20%	8.516.955.289	16.862.780.616
Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi giảm 50% thuế phải nộp (*)	-	764.657.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.703.391.058	3.449.021.864
Chi phí thuế TNDN năm 2023 truy thu theo biên bản thanh tra thuế	32.066.756	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.735.457.814	3.449.021.864

- (*) Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018. Như vậy, từ năm 2024 trở đi, Công ty không được hưởng ưu đãi miễn 50% số thuế phải nộp đối với dự án sản xuất gạch không nung.

9. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.955.684.370	13.702.276.482
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.955.684.370	13.702.276.482
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	16.500.000	16.500.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	361	830

- (*) Theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế cần được loại ra khỏi lợi nhuận sau thuế khi ước tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Công ty chưa ước tính được quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 do điều lệ Công ty không quy định. Đồng thời Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty.

- (**) Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.257.805.391	67.440.470.144
Chi phí nhân công	19.320.618.014	29.674.669.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.394.125.486	4.831.674.207
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	775.313.758	906.125.967
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.038.433)	168.791.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.852.585.494	13.619.807.323
Chi phí khác bằng tiền	3.706.012.559	3.789.782.611
Cộng	76.300.422.269	120.431.321.431

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm với Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị như sau:

Hợp đồng thuê đất số 75 ngày 27 tháng 06 năm 2017 thuê đất tại thôn Tân Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời gian thuê đất đến ngày 13 tháng 10 năm 2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 11.173 m².

Hợp đồng thuê đất số 76 ngày 27 tháng 06 năm 2017 thuê đất tại thôn Tân Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời gian thuê đất đến ngày 13 tháng 10 năm 2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 3.149 m².

Hợp đồng thuê đất số 46 ngày 21 tháng 08 năm 2018 thuê đất tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Nhà máy gạch Tuynel Linh Đơn). Thời gian thuê đất đến ngày 14 tháng 08 năm 2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 40.543 m².

Hợp đồng thuê đất số 28 HĐ/TĐ ngày 20 tháng 05 năm 2019 thuê đất tại thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm). Thời gian thuê đất đến ngày 28 tháng 08 năm 2036. Tổng diện tích khu đất thuê là 36.773 m².

Hợp đồng thuê đất số 84 HĐ/TĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 thuê đất tại xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích văn phòng làm việc và nhà ở công nhân. Thời gian thuê đất đến ngày 31 tháng 08 năm 2038. Tổng diện tích khu đất thuê là 2.616 m².

Hợp đồng thuê đất số 85 HĐ/TĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 thuê đất tại xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm). Thời gian thuê đất đến ngày 15 tháng 10 năm 2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 67.421 m².

Hợp đồng thuê đất số 86 HĐ/TĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 thuê đất tại xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất thương mại dịch vụ (Kho vật liệu nổ và bãi tập kết đá nguyên liệu). Thời gian thuê đất đến ngày 30 tháng 01 năm 2038. Tổng diện tích khu đất thuê là 32.944 m².

Hợp đồng thuê đất số 87 ngày 27 tháng 12 năm 2019 thuê đất tại phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Thời gian thuê đất đến ngày 25 tháng 02 năm 2050. Tổng diện tích khu đất thuê là 41.725 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)**

Hợp đồng thuê đất số 55 ngày 17 tháng 07 năm 2020 thuê đất tại xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh (mở rộng kho, bãi chứa thành phẩm nhà máy sản xuất gạch không nung). Thời gian thuê đất đến ngày 29 tháng 11 năm 2069. Tổng diện tích khu đất thuê là 6.031 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty không ước tính được chắc chắn giá trị của tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê đất. Do tiền thuê đất phải nộp mỗi năm phụ thuộc vào quy định của các cơ quan quản lý mang tính chất thời điểm. Vì vậy, Công ty không thuyết minh giá trị này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Ông Lê Đình Sung

Công ty TNHH Minh Hưng

Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP

Công thương Việt Nam

Bà Phạm Thị Mỹ Liên

Bà Trần Thiên Như An

Ông Lê Đình Minh

Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT đồng thời là cổ đông lớn

Cùng người quản lý Công ty

(ông Lê Đình Sung - chủ tịch HĐQT là

đại diện theo pháp luật

của Công ty TNHH Minh Hưng

Bên liên quan (Ông Nguyễn Văn Tú là con rể

của ông Lê Đình Sung - Chủ tịch HĐQT

của Công ty, đồng thời là chủ sở hữu

và người đại diện theo pháp luật

Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh)

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng	6.144.958.655	12.668.571.483
Công ty TNHH Minh Hưng	1.246.877.555	1.319.351.710
Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh	4.898.081.100	11.349.219.773
Trả cổ tức	8.893.821.000	4.446.910.500
Ông Lê Đình Sung	2.501.185.000	1.250.592.500
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP	2.400.000.000	1.200.000.000
Công thương Việt Nam		
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	2.250.000.000	1.125.000.000
Bà Trần Thiên Như An	911.800.000	455.900.000
Ông Lê Đình Minh	830.836.000	415.418.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	161.601.526	116.208.400
Công ty TNHH Minh Hưng	161.601.526	116.208.400

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	622.873.642	677.133.394
Ông Lê Đình Sung	310.873.642	365.133.394
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	84.000.000	84.000.000
Ông Trần Cảnh Bình	84.000.000	84.000.000
Ông Trương Đức Trí	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Đình Minh	72.000.000	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc	443.133.099	533.515.944
Ông Trần Cảnh Bình	128.397.716	158.991.888
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	109.997.437	137.204.687
Ông Đặng Sĩ Tiếp	101.695.393	105.939.986
Ông Hồ Đăng Vinh	103.042.553	131.379.383
Ban kiểm soát	192.000.000	192.000.000
Ông Phạm Quốc Hải	72.000.000	69.000.000
Ông Thái Vĩnh Đồng	60.000.000	60.000.000
Bà Võ Thị Ngọc Hà	60.000.000	45.000.000
Ông Lê Quang Hùng	-	18.000.000
Cộng	1.258.006.741	1.402.649.338

3. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 11.239.114.281 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 11.239.114.281 đồng.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.


 Nguyễn Bá Hải
 Người lập biểu


 Nguyễn Bá Hải
 Kế toán trưởng


 Lê Đình Sung
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 20 tháng 03 năm 2025
